ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG

Số: 691/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chư Prông, ngày 05 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số áp dụng trên địa bàn huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017của UBND tỉnh Gia Lai về việc Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Công văn số 945/SNNPTNT-VPĐP ngày 31/5/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Xét đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT (Cơ quan thường trực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới) tại Tờ trình số 13/TTr-VPĐP ngày 27/6/2018 về việc Ban hành Bộ tiêu chí xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số áp dụng trên địa bàn huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số áp dụng trên địa bàn huyện Chư Prông.

Bộ tiêu chí là căn cứ để rà soát, đánh giá thực trạng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số, là cơ sở để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá mức độ đạt các chỉ tiêu, tiêu chí và xây dựng Kế hoạch thực hiện hàng năm, thẩm định, xét công nhận làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số và xét khen thưởng trong phong trào thi đua “ *Chư Prông, chung sức xây dựng nông thôn mới*” trên địa bàn huyện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các phòng ban chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, giúp đỡ UBND các xã thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện chủ trì, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, đơn vị liên quan

theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất UBND huyện, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện để chỉ đạo, xử lý.

3. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định này.

4. Chủ tịch UBND các xã, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này tổ chức đánh giá, thẩm tra, đề nghị UBND huyện thẩm định, xét công nhận làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND- UBND huyện, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện; Chủ tịch UBND các xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Văn phòng ĐPNTM tỉnh;
- TT huyện uỷ, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các thành viên BCĐ các CTMTQG;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Dũng

BỘ TIÊU CHÍ XÂY DỰNG LÀNG NÔNG THÔN MỚI TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHƯ PRÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 658 /QĐ-UBND ngày 5/7/2018 của UBND huyện về Ban hành Bộ tiêu chí xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số áp dụng trên địa bàn huyện)

T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
1	Quy hoạch	Làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã. Vị trí địa lý, ranh giới của làng nông thôn mới phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt. Riêng các công trình văn hóa, phúc lợi ở làng cần phải có quy hoạch đất và được cắm mốc.	Đạt
2	Giao thông	Đường trục làng, đường liên làng được cứng hóa;đường nội làng đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và kết nối với đường trục xã.	Đạt
3	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Các hộ dân trong làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn.	Đạt
4	Điện	Các hộ trong làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện.	Đạt
5	Trường học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, tường rào, cổng.	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hoá	Làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tường rào, cổng,...; có Ban chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định.	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Trong làng có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa (các điểm buôn bán hàng hoá lẻ phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân).	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1.Trong làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy nhập Internet.	Đạt
		8.2.Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.	Đạt
9	Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình:	9.1.Trong làng không có nhà tạm, dột nát;	Đạt
		9.2.Tỷ lệ nhà ở dân cư trong làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích tối thiểu, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,…được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện; kiến trúc, mẫu nhà phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc.	Đạt
		9.3.Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có thể mang lại thu nhập cho người dân.	Đạt
		9.4.Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở sáng - xanh - sạch - đẹp.	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong làng đến năm 2020 (triệu đồng/người/năm)	Bằng 2/3 mức quy định thu nhập bình quân đầu của xã đạt chuẩn nông thôn mới tương ứng theo năm thực hiện

T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 7%.
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của làng	≥90%.
13	Tổ chức sản xuất	Có mô hình giúp người dân phát triển sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện của đồng bào dân tộc thiểu số; chính quyền cấp xã có kế hoạch giúp người dân trong làng phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm để nâng cao thu nhập cho người dân.	Đạt
14	Giáo dục và đào tạo	14.1.Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đều được đi học mầm non và tiểu học.	100%
		14.2.Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥70%
		14.3.Tỷ lệ lao động của làng có việc làm qua đào tạo, tập huấn việc làm	≥25%.
15	Y tế	15.1.Tỷ lệ người dân trong làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥85%.
		15.2.Trong làng có nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	100%.
		15.3.Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.	97%.
		15.4.Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 31,4%.
16	Văn hoá	Làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1.Tỷ lệ hộ trong làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định;	≥ 95% (≥ 50% nước sạch)
		17.2.Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh ở làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường.	100%
		17.3.Các tuyến đường trong làng, nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.	Đạt
		17.4.Các hộ gia đình trong làng tự thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt. Không còn tình trạng rác thải vứt xả bừa bãi ra môi trường.	Đạt
		17.5.Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt tại các hộ gia đình thường xuyên được khơi thông, luôn sạch cỏ, rác.	Đạt
		17.6.Về nghĩa địa, khu vực chôn cất của làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong làng tối thiểu là 100 m; trường hợp nghĩa địa của làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100 m cần được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường.	Đạt
		17.7.Tỷ lệ hộ trong làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh.	≥70%
		17.8.Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường trong làng xây dựng nông thôn mới. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn.	≥60%
		17.9.Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%
		17.10.Tỷ lệ phụ nữ trong làng tham gia cuộc vận động "năm không ba sạch".	≥70%
18	Về hệ thống chính trị, bình đẳng giới:	18.1.Có đủ các tổ chức trong làng theo quy định (gồm Chi bộ, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân, Chi hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên). Chi bộ làng hàng năm đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh. Các tổ chức đoàn thể chính trị trong làng hàng năm đạt danh hiệu mức cao nhất.	Đạt

T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá
18		18.2.Tỷ lệ phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn và tảo hôn. Trong làng không có bạo lực gia đình.	100%
19	Quốc phòng và an ninh	19.1.Lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt
		19.2.Trật tự xã hội trên địa bàn làng bình yên: Không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiềm chế giảm so với năm trước.	Đạt